Số: 3239/QĐ-UBND
Thời gian ký: 18/06/2024 08:41:39 +07:00

PHỤ LỤC I
DỰ ÁN: HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG
DỰ ÁN 2- ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO
CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024
NỘI DUNG: CHĂN NUÔI BÒ CÁI SINH SẢN
TẠI THÔN THANH LONG, XÃ PHƯỚC MỸ

1. Đại diện Tổ cộng đồng dân cư thôn Thanh Long xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định:

- Ông Nguyễn Hồng Phong, sinh năm 1965 - Tổ trưởng

- Số CCCD:052065018546, ngày cấp 28/06/2021

Nơi cấp Cục TCCS QLHC về trật tự xã hội

- Địa chỉ: Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, Thành phố Quy Nhơn

- Số điện thoại: 035749862

2. Tên Dự án: Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, thuộc Dự án 2- đa dạng hóa sinh kế phát triển mô hình giảm nghèo, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024; Nội dung: Chăn nuôi bò cái sinh sản tại thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ.

3. Mục tiêu dự án

a) Mục tiêu chung

- Xây dựng dự án chăn nuôi bò cái sinh sản sẽ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, đối tượng khuyết tật không có sinh kế ổn định có điều kiện tham gia sản xuất, tạo việc làm và nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững.

- Giúp người dân tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất, thay đổi phương thức sản xuất truyền thống nhằm từng bước đem lại hiệu quả kinh tế cho gia đình.

b) Mục tiêu cụ thể: Xây dựng thành công mô hình chăn nuôi bò cái sinh sản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, đối tượng khuyết tật không có sinh kế ổn định chủ động trong chăn nuôi, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, từng bước đem lại hiệu quả kinh tế, góp phần vào công tác giảm nghèo của địa phương, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo của xã Phước Mỹ đến cuối năm 2024 còn 0,98%.

- Thu nhập bình quân của hộ tham gia sau khi kết thúc dự án 15 triệu đồng/hộ.

4. Đối tượng tham gia: Tổng số hộ 21, bao gồm: 01 hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi- Tổ trưởng, 02 hộ nghèo, 02 hộ cận nghèo, 03 hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng, 13 đối tượng khuyết tật không có sinh kế ổn định tại thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ (*có danh sách kèm theo).*

5. Thời gian triển khai: 18 tháng

- Thời gian bắt đầu thực hiện dự án: 8/2024

- Thời gian kết thúc dự án: 01/2026

6. Địa bàn thực hiện: Thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

7. Chủ đầu tư: UBND xã Phước Mỹ.

8. Đơn vị thực hiện: Tổ cộng đồng thôn Thanh Long, xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

9. Nội dung dự án

a) Định mức kinh tế, kỹ thuật

Áp dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Mục 13 Chăn nuôi trâu, bò sinh sản- Mã sản phẩm CN2213.

b) Các hoạt động của dự án

- Tổ chức họp dân xét chọn đối tượng đủ điều kiện đăng ký tham gia dự án.

- UBND xã, thôn lựa chọn các hộ tham gia dự án (các hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong vòng 36 tháng và đối tượng khuyết tật có ý chí vươn lên thoát nghèo, có tinh thần tương trợ, sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm, trao đổi thông tin kỹ thuật với người khác và cam kết thực hiện trong phạm vi dự án).

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho hộ tham gia dự án.

- Tổ chức đấu thầu, cấp phát giống bò cho hộ tham gia dự án.

- Hợp đồng thuê cán bộ trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật thực hiện dự án đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả và đồng thời là người tham mưu giúp chủ đầu tư dự án sau khi kết thúc dự án đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm nhân rộng dự án trên địa bàn xã.

- Quản lý, theo dõi, giám sát, đánh giá dự án: Đây là công việc thường xuyên của dự án, nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện và điều chỉnh kịp thời kế hoạch và phương pháp triển khai thực hiện dự án, đề xuất những biện pháp cần thiết để đảm bảo sự thành công của dự án và chất lượng công việc.

- Đánh giá nghiệm thu, tổng kết dự án.

- Thực hiện thu hồi quay vòng vốn luân chuyển trong cộng đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án

TT	Nội dung hoạt động dự án	Dự kiến thời gian thực hiện
1	Tổ chức tập huấn cho hộ tham gia dự án	Tháng 8/2024
2	Cung cấp bò cái giống	Tháng 8/2024
3	Hợp đồng thuê cán bộ kỹ thuật trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả	Từ tháng 8/2024-01/2026

TT	Nội dung hoạt động dự án	Dự kiến thời gian thực hiện
4	Quản lý, theo dõi, giám sát	Từ tháng 8/2024-01/2026
5	Đánh giá nghiệm thu	Tháng 01/2026
6	Tổng kết dự án	Tháng 01/2026
7	Thu hồi quay vòng vốn	Tháng 02/2026-4/2026

11. Dự toán kinh phí thực hiện dự án

Tổng kinh phí thực hiện dự án **1.348.708.500 đồng.** Trong đó:

- Ngân sách Nhà nước: 783.268.500 đồng
- Hộ tham gia đối ứng: 565.440.000 đồng

Cụ thể:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn	
			Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ	Đối ứng của người dân
I	**Nội dung chuyên môn dự án**				**1.285.440.000**	**720.000.000**	**565.440.000**
1	**Hỗ trợ giống bò**				**720.000.000**	**720.000.000**	
	Bò cái thuộc nhóm giống Zêbu. Trọng lượng từ 180-220 kg. Tuổi từ 18-22 tháng	con	40	Tối đa 18.000.000	720.000.000	Tối đa 720.000.000	
2	**Chuồng trại**				**60.000.000**		**60.000.000**
	Xây dựng, sửa chữa chuồng trại	Cái	20	3.000.000	60.000.000		60.000.000
4.	**Thức ăn**				**112.320.000**		**112.320.000**
	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái chửa lứa đầu (216 kg/con x 40 con)	kg	8.640	13.000	112.320.000		112.320.000
5	**Công chăn nuôi**				**393.120.000**		**393.120.000**
	18 tháng x (30% x 3.640.000 đồng/tháng)	hộ (người)	20	19.656.000			393.120.000
II	**Tập huấn kỹ thuật , tổng kết dự án**				**15.170.000**	**15.170.000**	
1	**Tập huấn kỹ thuật lần 1:**				**4.690.000**	**4.690.000**	
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	21	20.000	420.000	420.000	
	Tiền ăn cho nông dân	Người	21	130.000	2.730.000	2.730.000	
	Nước uống	Người	21	40.000	840.000	840.000	
	Tiền giảng viên	Cuộc	1	700.000	700.000	700.000	
2	**Tập huấn kỹ thuật lần 2:**				**4.690.000**	**4.690.000**	
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	21	20.000	420.000	420.000	
	Tiền ăn cho nông dân	Người	21	130.000	2.730.000	2.730.000	
	Nước uống	Người	21	40.000	840.000	840.000	
	Tiền giảng viên	Cuộc	1	700.000	700.000	700.000	

3	**Tổng kết dự án**				**5.790.000**	**5.790.000**	
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	21	20.000	420.000	420.000	
	Tiền ăn cho nông dân	Người	21	130000	2.730.000	2.730.000	
	Nước uống	Người	21	40.000	840.000	840.000	
	Trang trí hội trường, khẩu hiệu	ngày	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000	
	Tiền báo cáo viên (kể cả viết báo cáo)	Cuộc	1	800.000	800.000	800.000	
III	**Hỗ trợ cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật có trình độ từ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp**				**10.800.000**	**10.800.000**	
	Công tác phí (2 lần/tháng x 18 tháng x 2 người)	lần	72	100.000	7.200.000	7.200.000	
	Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí)	lần	72	50.000	3.600.000	3.600.000	
IV	**Chi phí quản lý (5%)**				**37.298.500**	**37.298.500**	
TỔNG CỘNG (I+II+II+IV)					**1.348.708.500**	**783.268.500**	**565.440.000**

(1) Tập huấn kỹ thuật, tổng kết dự án:

- Nội dung, mức chi thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Số lần tập huấn, tổng kết: Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

(2) Nội dung chuyên môn dự án:

- Giống, thức ăn: Theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Mục 13 Chăn nuôi trâu, bò sinh sản - Mã sản phẩm CN2213.

- Giá bò giống: Tham khảo giá của Công ty TNHH Thương mại Bình An, Công ty TNHH Thiên Thanh Bình Định, HTX nông nghiệp dịch vụ Tây Thuận.

- Giá thức ăn: Tham khảo giá của Công ty TNHH MTV thức ăn chăn nuôi Con Heo Vàng.

- Thời gian triển khai: Áp dụng theo Quyết định số 726/QĐ-BNN-KN ngày 24/02/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Công chăn nuôi: Áp dụng 30% so với mức lương tối thiểu vùng IV (3.640.000 đồng) theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ.

(3) Thuê cán bộ kỹ thuật, bao gồm:

- Chế độ công tác phí cho cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án đến khi có kết quả theo Thông tư 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

- Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): Tối đa 50.000 đồng/người/buổi thực địa; (Thông tư số 55/2023//TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính).

(4) Chi phí quản lý (5%), quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

12. Phương án mua sắm giống bò

Chủ đầu tư UBND xã Phước Mỹ tổ chức đấu thầu để thực hiện việc mua sắm giống bò và cấp phát cho hộ dân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023.

13. Hình thức, mức quay vòng vốn luân chuyển trong cộng đồng

- Hình thức thu hồi để vay vòng: Bằng tiền mặt.

- Tổng kinh phí thu hồi tối đa: 15%/dự án (dự kiến tối đa 720.000.000 đồng x 15% = 108.000.000 đồng) *(tỷ lệ thu hồi theo Điều 4 Quyết định số 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh và văn bản số 2174/STC-QLNS ngày 05/7/2023 của Sở Tài chính).*

- Mức kinh phí thu hồi tối đa của 01 hộ: tỷ lệ 15% phần kinh phí nhà nước hỗ trợ (dự kiến tối đa là 36.000.000đ x 15% = 5.400.000 đồng/hộ) (Tùy thuộc vào giá trúng thầu)

- Thời gian thu hồi: Từ tháng 02/2026-4/2026.

- Giải pháp thu hồi, cách thức quản lý: Sau khi kết thúc dự án vào tháng 01/2026, 20 hộ nộp lại tỷ lệ 15% theo số vốn được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, tương ứng với số tiền dự kiến tối đa là 108.000.000 đồng/dự án (dự kiến tối đa 5.400.000 đồng/hộ) cho đại diện Tổ cộng đồng (Tổ trưởng) và gửi vào tài khoản tiền gửi của UBND xã Phước Mỹ được giao vốn để sử dụng quay vòng cho các hộ tiếp theo đảm bảo mục tiêu dự án.

14. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án

a) Sản phẩm thu được của dự án: Bê con.

b) Hiệu quả thực hiện:

- Tạo việc làm cho các hộ tham gia dự án, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống góp phần phát triển sản xuất, vươn lên thoát nghèo.

- Giúp cho các hộ dân thay đổi dần tập quán sản xuất truyền thống, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong sản xuất.

15. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết

Hộ dân sẽ lập bản cam kết khi tham gia dự án. Trường hợp hộ dân không thực hiện như cam kết thì UBND xã Phước Mỹ, thôn Thanh Long và Tổ cộng đồng sẽ có biện pháp xử lý theo quy định theo cam kết của hộ dân.

16. Giải pháp xử lý rủi ro

Thực hiện theo khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 4 Quyết định 92/2022/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh.

17. Tổ chức thực hiện dự án

a) UBND xã Phước Mỹ

- Chứng thực danh sách Tổ cộng đồng thôn Thanh Long xã Phước Mỹ

- Thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến Tổ/nhóm cộng đồng thôn Thanh Long xã Phước Mỹ thực hiện dự án; hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn thôn Thanh Long xã Phước Mỹ; kịp thời kiến nghị UBND thành phố các nội dung vướng mắc liên quan.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ tham gia dự án.

- Đôn đốc, hướng dẫn các hộ gia đình tham gia dự án thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng đảm bảo đúng tỷ lệ, đúng thời hạn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp, hỗ trợ Ban Giám sát cộng đồng thực hiện hoạt động giám sát theo quy định.

- Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án được giao theo đúng quy định.

- Thu số tiền để quay vòng của tổ cộng đồng gửi vào tài khoản gửi của UBND xã Phước Mỹ để sử dụng quay vòng vốn cho các hộ tiếp theo đảm bảo mục tiêu dự án.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ (dưới dạng tiền mặt hoặc hiện vật) để luân chuyển trong cộng đồng gửi về UBND thành phố theo quy định.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả hàng tháng, 6 tháng, hằng năm, tổng kết việc thực hiện dự án trên địa bàn thôn Thanh Long xã Phước Mỹ cho UBND thành phố và các phòng chức năng.

- Tổ chức đấu thầu và cấp phát bò cái giống cho hộ dân tham gia dự án.

b) Tổ cộng đồng thôn Thanh Long xã Phước Mỹ

- Triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả.

- Vận động các hộ tham gia dự án thực hiện tốt các nội dung đã cam kết.

- Thực hiện thu, nộp, quản lý, tổ chức việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định hiện hành.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả dự án 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND xã Phước Mỹ.

c) Trách nhiệm của các hộ, đối tượng tham gia dự án

- Nộp Bản cam kết tham gia thực hiện dự án cho Tổ trưởng Tổ/nhóm cộng đồng thôn Thanh Long xã Phước Mỹ.

- Cam kết thực hiện đúng nội dung dự án đã được phê duyệt và đạt hiệu quả.

- Cam kết đảm bảo đủ phần vốn đối ứng để tham gia vào dự án theo quy định.

- Cam kết nộp tiền quay vòng để luân chuyển trong cộng đồng tỷ lệ 15% phần kinh phí nhà nước hỗ trợ (dự kiến tối đa 5.400.000 đồng/hộ) sau khi dự án kết thúc.

- Tham gia các buổi tập huấn, trao đổi kỹ thuật chăn nuôi; thực hiện tốt theo đúng quy trình hướng dẫn.

- Báo cáo kết quả và những khó khăn, thuận lợi cho cán bộ kỹ thuật hướng dẫn để kịp thời báo cáo về UBND xã Phước Mỹ.

d) Trách nhiệm các cơ quan chuyên môn:

Theo chức năng nhiệm vụ được giao hướng dẫn, hỗ trợ UBND xã Phước Mỹ, Tổ cộng đồng, các hộ dân trong quá trình triển khai thực hiện dự án

DANH SÁCH HỘ DÂN THÔN THANH LONG, XÃ PHƯỚC MỸ THAM GIA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG DỰ ÁN 2- ĐA DẠNG HÓA SINH KẾ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ	Đối tượng	Hỗ trợ của Nhà nước (triệu đồng)		Đối ứng của hộ dân (quy theo giá trị, triệu đồng
					Bò cái giống	Vật tư, thiết bị theo giá trị, triệu đồng)	
1	Nguyễn Hồng Phong	1965	Thanh Long	Hộ sản xuất kinh doanh giỏi- Tổ trưởng	Không		
2	Nguyễn Văn Bênh	1976	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
3	Hồ Thị Quyền	1945	Thanh Long	Hộ thoát nghèo	36	0	28,272
4	Võ Kim Tín	1971	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
5	Vũ Thị Trâm	1983	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
6	Đỗ Công Nghiệp	1964	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
7	Nguyễn Hồng	1982	Thanh Long	Hộ thoát nghèo	36	0	28,272
8	Nguyễn Chí Dũng	1989	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
9	Nguyễn Văn Hồng	1970	Thanh Long	Hộ cận nghèo	36	0	28,272
10	Cao Thị Phẩm	1968	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
11	Võ Văn Tứ	1964	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272

12	Nguyễn Thị Nhung	1972	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
13	Bùi Văn Tiến	1993	Thanh Long	Hộ cận nghèo	36	0	28,272
14	Hồ Văn Công	1988	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
15	Lê Văn Cường	1978	Thanh Long	Hộ nghèo	36	0	28,272
16	Lê Xuân Ba	1936	Thanh Long	Hộ thoát nghèo	36	0	28,272
17	Nguyễn Văn Hương	1979	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
18	Lê Văn Lẹt	1961	Thanh Long	Người khuyết tật (Không có sinh kế ổn định)	36	0	28,272
19	Lê Thị Hồng Son	1983	Thanh Long	Hộ nghèo	36	0	28,272
20	Nguyễn Thị Minh Nhựt	1946	Thanh Long	Hộ thoát nghèo	36	0	28,272
21	Lê Thị Hà Dư	1972	Thanh Long	Hộ thoát nghèo	36	0	28,272